

TÍNH NHÂN VĂN CỦA HỌC THUYẾT MÁC VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI CỦA NÓ

★ PGS, TS TRẦN VĂN HẢI

★ PGS, TS TRẦN HẢI MINH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

● **Tóm tắt:** Một trong những giá trị đặc trưng tạo nên sức sống của học thuyết Mác chính là ở tính nhân văn của nó. Chủ nghĩa Mác có sự thống nhất giữa tính nhân văn với tính khoa học và tính cách mạng, gắn với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản nói riêng, giải phóng con người nói chung khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, bảo vệ những quyền cơ bản của con người, đặc biệt là của đa số người lao động trong xã hội. Chủ nghĩa nhân văn của C.Mác chính là yếu tố làm nên sức sống mới cho chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay.

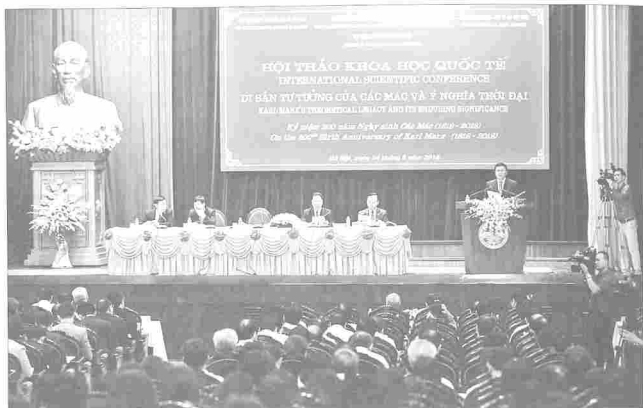
● **Từ khóa:** chủ nghĩa nhân văn, tính nhân văn của học thuyết Mác.

1. Học thuyết Mác là một học thuyết nhân văn

Thuật ngữ “chủ nghĩa nhân văn” (humanism) được sử dụng phổ biến từ thế kỷ XIX nhưng những học thuyết, tư tưởng nhân văn chủ nghĩa đã được hình thành và phát triển từ những thời kỳ trước đó, nhất là từ thế kỷ XV - Thời kỳ Phục hưng. Niềm cảm hứng cho những nghiên cứu này đến từ việc khám phá lại những tác phẩm nổi tiếng của triết học Hy Lạp cổ đại. *Toàn tập Platon* hay *Triết học Aristotle* đã được dịch và nghiên cứu một cách nghiêm cẩn, chính xác hơn so với những công trình thời Trung cổ⁽¹⁾.

Chủ nghĩa nhân văn phát triển đặc biệt mạnh mẽ ở phương Tây trong bước chuyển từ thời kỳ phong kiến lên CNTB, còn gọi là thời kỳ Phục hưng văn hóa. Đặc trưng của các tư tưởng

thuộc trào lưu này là sự nhấn mạnh, sự tập trung vào vị trí và vai trò của con người sau một thời gian dài bị đè nén dưới chế độ phong kiến, dưới sự thống trị của thần quyền trong “đêm trường Trung cổ”. Khẩu hiệu của thời kỳ này là không có gì thuộc về con người mà lại xa lạ đối với tôi. Các học thuyết, tư tưởng thể hiện tinh thần nhân văn, ca ngợi vẻ đẹp, phẩm chất và sức mạnh của con người. Đây chính là động lực tinh thần to lớn để nhân loại thực hiện bước chuyển mạnh mẽ sang một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn chế độ phong kiến, đó là hình thái kinh tế - xã hội TBCN. Tính quy luật trong sự phát triển tư tưởng ở đây là: trong những bước chuyển thời đại rất cần sự phát huy nhân tố con người, giải phóng tiềm năng và sức mạnh của con người. Học thuyết nào tích hợp



Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản tư tưởng của C.Mác và ý nghĩa thời đại” _ Ảnh. baomoi.com

được trong mình tinh thần của chủ nghĩa nhân văn sẽ có ưu thế vượt trội trong thời kỳ lịch sử đó.

Lối tư duy nhân văn chủ nghĩa tiếp tục được phát triển trong thời kỳ Cận đại thế kỷ XVIII, với các nhà tư tưởng Khai sáng như Vôn-te, Đit-đơ-rô, Rút-xô,... Dù không giống nhau nhưng các nhà tư tưởng đều thống nhất trong việc ca ngợi các giá trị tự do, bình đẳng, khoan dung, chủ nghĩa thế tục, chủ nghĩa toàn cầu. Họ đề cao sự thống trị của trí tuệ con người, muốn áp dụng nó vào trong những cải cách chính trị - xã hội, khuyến khích sự sáng tạo và chủ động của cá nhân. Họ tin tưởng vào sự hoàn thiện của bản chất con người, tình cảm và trách nhiệm đạo đức, và khả năng của tiến bộ xã hội⁽²⁾. Tuy nhiên, học thuyết nhân văn chủ nghĩa thời kỳ này mang tính siêu hình, trừu tượng, là chủ nghĩa nhân văn của giai cấp tư sản, hướng mục tiêu giải phóng con

người nói chung vào phục vụ cho lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản. Do đó những khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái chỉ mang tính hình thức mà không giải quyết thực sự vấn đề bất bình đẳng, bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản lúc đó. Chủ nghĩa nhân văn này vẫn mang nặng tính hình thức, không triệt để, không tưởng.

Với sự ra đời của chủ nghĩa Mác vào giữa những năm 40 của thế kỷ XIX, chủ nghĩa nhân văn đã phát triển lên một bước mới, là chủ nghĩa nhân văn hiện thực, nhân đạo, hoàn thiện, cách mạng và khoa học. Điều này đã một lần nữa khẳng định sức sống mãnh liệt của chủ nghĩa Mác trong thời đại hiện nay.

Bối cảnh nước Đức trong 4 thập kỷ đầu thế kỷ XIX.

Trong mấy thập kỷ đầu thế kỷ XIX, nước Đức vẫn đang ở chế độ phong kiến, là một nước lạc

hậu nhất châu Âu lúc đó. Tôn giáo ở nước Đức khi đó cũng có tác động mạnh mẽ tới xã hội. Giai cấp tư sản Đức đã ra đời, tuy tiến bộ nhưng yếu ớt, bị phân tán, trở nên bạc nhược. Lúc này nước Đức cần có một cuộc cách mạng để thay đổi tận gốc rễ trật tự hiện tồn. Bối cảnh đó tạo điều kiện cho các học thuyết triết học ra đời như một cuộc cách mạng trong tư tưởng để chuẩn bị cho cuộc cách mạng trong hiện thực. Chính trong bối cảnh đó, chủ nghĩa nhân văn phát triển ở Đức đáp ứng yêu cầu phát huy nhân tố con người để chuẩn bị lực lượng cách mạng. Những trăn trở về vị thế và vai trò của con người, trở thành đề tài được các nhà triết học Cổ điển Đức, từ Cantor, đến Heghen và Phoiobác đặc biệt quan tâm. Họ nhấn mạnh đến sức mạnh và năng lực tư duy của con người. Kế thừa những kết quả đó, triết học Mác cũng phát triển tư tưởng nhân văn chủ nghĩa lên những nấc thang mới.

Chủ nghĩa nhân văn ở C.Mác - những đặc điểm cơ bản.

Từ góc độ tiếp cận nhân văn chủ nghĩa, học thuyết Mác, từ trong quá trình hình thành và phát triển của nó, đã mang trong mình tính nhân văn sâu sắc. Sự hình thành những tư tưởng nhân văn chủ nghĩa của C. Mác đã được áp ủ ngay trong khi ông còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Trong luận văn tốt nghiệp trung học của C.Mác với câu hỏi: Suy nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề, C.Mác viết: "Lịch sử gọi những người tự làm cho mình trở nên cao quý bằng việc cống hiến cho sự nghiệp chung, là những con người vĩ đại; kinh nghiệm ca ngợi con người đem lại hạnh phúc cho hầu hết mọi người, là con người hạnh phúc nhất"⁽³⁾. Như vậy, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, C.Mác đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến những vấn đề nhân sinh rộng lớn, đã nhận ra

được giá trị *Thiện cao cả chính là khi đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất*. Điều đó cho thấy một niềm tin sâu sắc vào khả năng đem lại hạnh phúc cho con người bằng những giải pháp từ chính con người, tức là đề cao sức mạnh của con người hiện thực. *Tư tưởng đó của C.Mác đã bộc lộ tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc, đã hé lộ mầm mống của chủ nghĩa nhân văn ở C.Mác sau này.*

Học thuyết Mác khi ra đời đã tích hợp được trong mình tinh thần nhân văn của thời kỳ Phục hưng châu Âu cũng như trong các học thuyết triết học tiền bối, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật của Phoiobác. Chủ nghĩa duy vật Phoiobác là chủ nghĩa duy vật nhân bản, đề cao tình yêu con người, coi tình yêu là giải pháp để xây dựng xã hội tốt đẹp hơn. Thậm chí Phoiobác đã tôn thờ tình yêu thành tôn giáo, tôn giáo tình yêu. Với mục đích hướng nhân loại nói chung tới tình yêu, Phoiobác muốn xây dựng một xã hội nhân văn tốt đẹp. Tuy nhiên, hạn chế trong học thuyết của Phoiobác đó là đã rơi vào duy tâm về xã hội khi không nhìn thấy quy luật chung nhất của sự phát triển xã hội dựa trên những nền tảng vật chất, điều kiện vật chất, mà trước hết là sản xuất vật chất. Nếu không giải quyết những vấn đề trong nền tảng vật chất xã hội mà chỉ tập trung vào giải pháp về đạo đức, tinh thần, như nhấn mạnh tình yêu thì sẽ rơi vào duy tâm, không tưởng. Không thể kêu gọi người bị áp bức, bóc lột yêu thương những người áp bức, bóc lột mình được. Ngoài ra, trong quan niệm về con người, Phoiobác đã tiếp cận con người trong tính loài chung chung, trừu tượng, do đó đã đồng nhất tất cả con người thuộc những giai cấp, tầng lớp khác nhau trong một bản chất loài chung chung mà không thấy được rằng: trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan

hệ xã hội⁽⁴⁾ (*Luận cương về Phoio bác*). C. Mác đã nhận thấy hạn chế này trong tư tưởng nhân văn của Phoio bác và đã khắc phục nó trong học thuyết của mình, với việc phát triển chủ nghĩa duy vật lên một giai đoạn mới - chủ nghĩa duy vật biện chứng, trên cơ sở đó, xây dựng quan niệm duy vật về lịch sử. Nhưng C. Mác cũng kế thừa và phát triển ở Phoio bác tinh thần phê phán đối với tôn giáo, những hạn chế và tiêu cực của tôn giáo. Đây cũng là điểm chung của những học thuyết thuộc trào lưu nhân văn chủ nghĩa thời kỳ này. Bởi trong suốt một thời gian dài (đêm trường Trung cổ), cũng như trong chính nước Đức lúc đó, tôn giáo đã đè nén con người, làm cho con người trở nên vô cùng nhỏ bé trước Chúa, trước thánh thần, chỉ biết thụ động tuân theo những lời dạy của Chúa. Con người quỳ gối trước thánh thần cũng như quỳ gối trước vương quyền. Do đó, xã hội trở nên trì trệ, chậm phát triển. Chính vì điều này, C. Mác đã khẳng định, muốn phát triển cõi đời, cần phê phán cõi thần. C. Mác đã thay niềm tin vào sự mầu nhiệm của Chúa bằng niềm tin vào giá trị và sức mạnh của con người. Đây cũng chính là khía cạnh nhân văn trong chủ nghĩa Mác.

Nhưng chính C. Mác cũng không chỉ phê phán những hạn chế, tiêu cực, ảo tưởng, bất lực của tôn giáo trước hiện thực mà còn thấy cả giá trị của tôn giáo, *tinh thần nhân văn* của tôn giáo, như một liều thuốc an ủi cho con người, khi nhận định: "Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân"⁽⁵⁾. Chức năng đền bù hư ảo của tôn giáo chính là một trong những lý do hiện nay tôn giáo vẫn còn tồn tại. Chủ nghĩa nhân văn ở C. Mác

không chỉ phê phán tôn giáo như một thế giới quan sai lầm, mở đường cho sự đề cao giá trị con người, mà còn vạch ra những giá trị nhân văn của tôn giáo, để chúng ta có một *thái độ khoan dung* (ở đây là khoan dung tôn giáo), một trong những phẩm chất rất cần để con người có thể tồn tại cùng nhau trên thế giới đa dạng và phức tạp này. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, tinh thần khoan dung tôn giáo, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo chính là một biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn hiện đại.

Một đặc điểm nổi bật trong chủ nghĩa nhân văn ở C. Mác, đó là: Chủ nghĩa nhân văn ở C. Mác đã xuất phát từ tình thương yêu và cảm thông vô bờ của ông trước nỗi thống khổ của đồng bào quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột. C. Mác đã thể hiện điều đó trong bài báo: "Những cuộc tranh luận nhân đạo luật về cấm ăn trộm gỗ"; đã phản ánh hiện thực bị tha hóa, bị bóc lột nặng nề của giai cấp công nhân, người lao động trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học (1844)*. Người công nhân bị tách khỏi tư liệu sản xuất do chế độ tư hữu, bị tách khỏi sản phẩm do mình sản xuất ra, và bị tha hóa cả về thể chất lẫn tinh thần trong chế độ bóc lột tư bản. Nguyên nhân của thực trạng đó chính là do chế độ tư hữu. Và chính ở đây, C. Mác đã đề xuất phải xóa bỏ chế độ tư hữu nếu muốn khắc phục tình trạng tha hóa này của giai cấp vô sản. Tác phẩm đã đánh dấu bước chuyển từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản.

Từ tình thương yêu, sự cảm thông đối với người lao động bị bóc lột, C. Mác đã dành trọn cuộc đời mình để đấu tranh giải phóng con người, trước hết là người lao động chiếm đa số, khỏi ách áp bức, bóc lột và sự tha hóa. Điều này đã làm nên một đặc điểm khác biệt và trình độ cao hơn của chủ nghĩa nhân văn ở C. Mác. Đó

là chủ nghĩa nhân văn gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản nói riêng, giải phóng con người nói chung. C.Mác đã từng nói rằng: Hạnh phúc là đấu tranh. Ở đây, C.Mác muốn nói đến cuộc đấu tranh giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công, cuộc đấu tranh chống lại sự phi nhân tính hóa con người (tha hóa), cuộc đấu tranh bảo vệ quyền tự do, dân chủ của nhân dân, cuộc đấu tranh đem lại một xã hội tốt đẹp hơn cho con người. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận định: “Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ”⁽⁶⁾. Cuộc cách mạng vô sản là cuộc đấu tranh giải phóng người lao động chiếm đa số khỏi những xiềng xích của ách áp bức, bóc lột. Điều đó thể hiện tinh thần nhân văn ở C.Mác: chủ nghĩa nhân văn gắn với sự nghiệp giải phóng con người, bảo vệ những quyền cơ bản của con người, đặc biệt là đa số người lao động trong xã hội.

Cuộc cách mạng vô sản đã thức tỉnh sức mạnh của đông đảo giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ chế độ tư hữu tư sản, lật đổ CNTB, xây dựng CNCS. C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát hiện ra lực lượng của sự nghiệp giải phóng con người đó chính là giai cấp công nhân: “Tất cả các giai cấp khác suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”⁽⁷⁾, “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”⁽⁸⁾. C.Mác đã tìm ra sức mạnh giải phóng con người trong xã hội đương thời ở giai cấp công nhân, một lực lượng chiếm đông đảo trong xã hội tư bản, là lực lượng chính tạo ra mọi của cải, là lực lượng tiến bộ nhưng lại bị bóc lột nặng nề nhất. Từ đó, trong suốt cuộc đời mình, C.Mác đã tập trung

vào việc thức tỉnh giai cấp vô sản đứng lên giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột. Cuộc cách mạng XHCN diễn ra đầu thế kỷ XX và đang tiếp tục đến nay đã cho thấy sức mạnh giải phóng mãnh liệt của giai cấp vô sản trong phát triển xã hội. *Thức tỉnh sức mạnh của con người chính là nhiệm vụ của những trào lưu tư tưởng nhân văn chủ nghĩa. Và học thuyết Mác, dưới góc độ này, cũng là một học thuyết nhân văn nhất.*

Như vậy, tính nhân văn của học thuyết Mác, chủ nghĩa nhân văn cộng sản với tư cách là học thuyết vì con người, là tiếng nói bênh vực quần chúng lao động bị áp bức trong xã hội cũ, hướng tới giải phóng con người khỏi áp bức, bất công. Đây là chủ nghĩa nhân văn triệt để (giải quyết vấn đề ở tận gốc rễ là chế độ kinh tế chứ không chỉ giới hạn trong tư tưởng, tinh thần), không phải là sự thương xót ủy mị mà gắn với ý chí cách mạng giải phóng con người khỏi mọi áp bức bất công. Đây là chủ nghĩa nhân văn cao cả vì sự nghiệp cách mạng XHCN, là sự nghiệp đòi hỏi nhiều gian khổ, hy sinh nhưng những chiến sỹ cộng sản không bao giờ chùn bước. Trong cách mạng luôn ngời sáng những tấm gương chiến đấu, hy sinh hết mình vì sự nghiệp cách mạng. Tính nhân văn do đó cũng thống nhất với tính cách mạng, trở thành một phần của tính cách mạng. Điều này cho thấy một đặc điểm của chủ nghĩa nhân văn ở C.Mác đó là *chủ nghĩa nhân văn gắn với tính cách mạng, chủ nghĩa nhân văn cách mạng.*

Bên cạnh thống nhất giữa tính nhân văn với tính cách mạng, học thuyết Mác còn có sự thống nhất giữa tính nhân văn và tính khoa học - *chủ nghĩa nhân văn khoa học*. Toàn bộ học thuyết nhân văn chủ nghĩa của C.Mác là một học thuyết khoa học, đã khái quát được những quy luật phổ biến của tự nhiên, xã hội và tư

duy. Đặc biệt với việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết Mác đã phát hiện ra những quy luật chung nhất của xã hội loài người. Từ đó, đã đặt chủ nghĩa nhân văn trên nền tảng khoa học. Điều này cũng cho thấy sự thống nhất giữa chủ nghĩa nhân văn mácxít với những trào lưu nhân văn chủ nghĩa khác, đó là sự nhấn mạnh vai trò của khoa học trong sự phát triển, và bản thân chủ nghĩa nhân văn mácxít cũng là một học thuyết khoa học.

Chủ nghĩa Mác có sự thống nhất giữa tính nhân văn với tính khoa học và tính cách mạng. Tính cách mạng thống nhất với tính nhân văn: cách mạng nhất (giải phóng con người) chính là nhân văn nhất (vì con người nhất). Cách mạng phải gắn với tính nhân văn mới triệt để, hoàn thiện. Tính nhân văn cũng thống nhất với tính khoa học, làm hoàn thiện tính khoa học. Tính khoa học của chủ nghĩa Mác thực sự thể hiện chủ nghĩa nhân văn vì con người. Và sự thống nhất giữa tính nhân văn, tính khoa học và tính cách mạng thể hiện tập trung trong lý tưởng cộng sản chủ nghĩa - lý tưởng về một xã hội con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, được tự do, phát triển toàn diện, một xã hội trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"⁽⁹⁾. Đây chính là tinh thần nhân văn cao nhất trong học thuyết Mác. Chủ nghĩa nhân văn gắn với việc xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn cho con người. Không chỉ giới khoa học mácxít mà giới khoa học phương Tây hiện đại cũng đánh giá rất cao tư tưởng nhân văn này của C.Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, coi đây là một trong những giá trị vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác.

Như vậy, nhờ có sự thống nhất giữa tính nhân văn, tính cách mạng và tính khoa học, chủ nghĩa

Mác đã trở thành một học thuyết hoàn bị và có sức sống lâu dài trong sự phát triển tư tưởng nhân loại gần hai thế kỷ qua và trong những năm sắp tới.

Không chỉ nhân văn trong việc xem xét mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội, học thuyết Mác còn thể hiện *tính nhân văn trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên*. Theo chủ nghĩa Mác, con người và tự nhiên là thống nhất. Con người là sản phẩm cao nhất của sự tiến hóa lâu dài của tự nhiên. Do đó, thái độ của con người với tự nhiên không phải là sự thống trị, bá chủ tự nhiên một cách tuyệt đối, tàn bạo, mà là hài hòa với tự nhiên. Điều này thể hiện sự nhân văn hóa mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. C.Mác và Ph.Ăngghen từng đi đến những nhận định như: "giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người, (...) thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân tự nhiên, vì con người là một bộ phận của tự nhiên"⁽¹⁰⁾; hay "cứ mỗi chiến thắng của chúng ta với giới tự nhiên, giới tự nhiên sẽ quay trở lại trả thù chúng ta" (*Biện chứng của tự nhiên*). Hiện nay, nhân loại đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Đây chính là sự thể hiện của tính nhân văn trong quan hệ với tự nhiên của con người. Đây cũng là một đặc điểm quan trọng của chủ nghĩa nhân văn ở học thuyết Mác.

2. Ý nghĩa của chủ nghĩa nhân văn mácxít trong thời đại ngày nay

Với những nét phác thảo chính ở trên, chủ nghĩa nhân văn mácxít đã thể hiện sức sống mãnh liệt và lâu dài trong thời đại ngày nay.

Thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới. Trong bước chuyển mãnh liệt đó của thời đại, rất cần có động lực tinh thần từ những học thuyết nhân văn chủ nghĩa, với mục đích đề cao giá trị và sức mạnh của con người, phát hiện ra và giải phóng những sức mạnh chân chính của con người để xây dựng xã hội mới tốt đẹp hơn. Học thuyết Mác đã thể hiện là một học thuyết nhân văn như vậy. Trong học thuyết Mác, tính nhân văn thống nhất với tính khoa học và tính cách mạng đã khiến học thuyết này trở thành kim chỉ nam, dẫn đường cho nhân loại tiến bộ đi tới.

Thứ hai, thời đại ngày nay với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ với cuộc CMCN 4.0 đang không ngừng thay đổi bộ mặt xã hội hiện đại. Nhưng cũng chính trong sự phát triển như vũ bão ấy của khoa học rất cần có một chủ nghĩa nhân văn để định hướng cho khoa học, khắc phục những mặt trái của khoa học hiện đại. Chủ nghĩa nhân văn định hướng khoa học phục vụ đắc lực cho sự phát triển của xã hội loài người, vì con người. Do đó, trào lưu nhân văn chủ nghĩa nói chung và chủ nghĩa nhân văn mácxít nói riêng tiếp tục sẽ là xu hướng tư tưởng phát triển mạnh mẽ trong hiện tại và tương lai.

Thứ ba, trong xã hội hiện nay, tôn giáo vẫn tồn tại và phát triển như một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, bởi trong lòng nó cũng chứa đựng những giá trị nhân văn, đạo đức giúp hướng thiện cho con người, giúp xoa dịu những nỗi đau của nhân thế. Do đó, cần một thái độ khoan dung của tôn giáo là cần thiết nhằm góp phần bảo đảm xã hội phát triển ổn định, bền vững.

Thứ tư, thời đại ngày nay nhân loại đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa con người và tự nhiên, vì vậy, rất cần nhân

văn hóa mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Đạo đức sinh thái chính là khoa học nhằm nghiên cứu, nhân văn hóa mối quan hệ này của con người. Chủ nghĩa nhân văn ở học thuyết Mác đã chứa đựng những tiền đề cho một đạo đức sinh thái như vậy. Do đó, đạo đức sinh thái hiện nay cần được nhìn nhận trên cơ sở của chủ nghĩa Mác □

(1), (2) Xem thêm: R.Audi (ed.): *The Cambridge Dictionary of Philosophy*, 2nd edition, Cambridge Uni. Press, 1999, tr.397, 397.

(3) H.Ghem-cốp: *Cuộc đời chúng tôi (Tiểu sử C.Mác và Ph.Ăngghen)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.8.

(4), (5), (6), (7), (8), (9) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.434, 40, 748, 715, 717, 730.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.42, tr.135.

Tài liệu tham khảo:

1. GS, TS Hoàng Chí Bảo (Chủ biên): *Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

2. Nguyễn Hữu Vui: *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

3. William F.Lawhead: *Hành trình khám phá thế giới triết học phương Tây*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2012.

4. M. Rôdentan, P.ludin, *Từ điển triết học*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976.

5. Schroeder, W., *Contnental Philosophy - A critical approach*, Blackwell Publishing, 2005.

6. Chủ nghĩa nhân văn dưới thời văn hóa phục hưng, <http://triethoc.edu.vn>.

7. R.Audi (ed.), *The Cambridge Dictionary of Philosophy*, 2nd edition, Cambrndge Uni. Press, 1999.